TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU** Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST Ngày: 28/4/2025 V/v "Tranh chấp ly hôn".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Liêu Tài Ngoánh

2. Ông Huỳnh Tài Em

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Phúc Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Ông Trần Trung Kiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2025/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1971

Địa chỉ: Ấp N, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Nguyên đơn và bị đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đỗ Văn D trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị N xây dựng hôn nhân năm 1986 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau. Vợ chồng ông đã sống ly thân 10 năm nay. Giữa vợ chồng ông không thể hàn gắn được nữa nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Vợ chồng ông chung sống có 04 con chung là Đỗ Ngọc Đ, sinh năm 1988; Đỗ Ngọc H, sinh năm 1991; Đỗ Phát L, sinh năm 1995; Đỗ Thị Thu T, sinh năm 2003. Các con đã trưởng thành khỏe mạnh và có công việc riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Ông Đỗ Văn D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/4/2025 bà Nguyễn Thị N là bị đơn trình bày: Bà và ông Đỗ Văn D chung sống như vợ chồng năm 1986. Bà và ông D chung sống có 04 con chung là Đỗ Ngọc Đ, sinh năm 1988; Đỗ Ngọc H, sinh năm 1991; Đỗ Phát L, sinh năm 1995; Đỗ Thị Thu T, sinh năm 2003. Vợ chồng bà chung sống phát sinh mâu thuẫn do

không hợp tính tình, bà và ông D đã sống ly thân hơn 10 năm nay. Nên ông D yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông Đỗ Văn D. Hiện các con của bà đã trưởng thành khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đồng thời, bà N có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 228, 238 BLTTDS đủ điều kiện xét xử.

Về nội dung: Đề nghị căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị N; Về con chung: đã trưởng thành khỏe mạnh nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị N có hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình. Ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị N có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị N chung sống như vợ chồng năm 1986 nhưng không đăng ký kết hôn. Mặc dù, ông bà không đăng ký kết hôn nhưng quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông Đỗ văn D yêu cầu ly hôn với bà N nên Toà án thụ lý vụ án và áp dụng quy định của Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án ly hôn theo thủ tục chung.

Ông Đỗ Văn D xác định giữa vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân 10 năm nay và yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị N. Bà N xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà đồng ý ly hôn với ông Đỗ Văn D. Hội đồng xét xử xét thấy, thực tế vợ chồng ông D, bà N đã không còn yêu thương nhau, không quan tâm lẫn nhau, không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân thể hiện đời sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, do đó Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị N.

[3] Về con chung: Ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị N xác định vợ chồng chung sống có 04 con chung là Đỗ Ngọc Đ, sinh năm 1988; Đỗ Ngọc H, sinh năm 1991; Đỗ Phát L, sinh năm 1995; Đỗ Thị Thu T, sinh năm 2003. Các con của ông bà đã trưởng thành khỏe mạnh nên không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị N không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Đỗ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[6] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, Điều 238; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000; khoản 8 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị N.

2. Về con chung: Ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị N xác định vợ chồng chung sống có 04 con chung là Đỗ Ngọc Đ, sinh năm 1988; Đỗ Ngọc H, sinh năm 1991; Đỗ Phát L, sinh năm 1995; Đỗ Thị Thu T, sinh năm 2003. Các con của ông bà đã trưởng thành khỏe mạnh nên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đỗ Văn D và bà Nguyễn Thị N không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Đỗ Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Ông D đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005974 ngày 07/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Bình được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- Chi cục THADS huyện Hòa Bình;
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu: HS; VT-TA.

Phan Thị Mỹ Ghết